

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/ HNGĐ- ST

Ngày 30-7-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Thương.

2. Ông Lê Tấn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08/5/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05/7/2019 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Anh Lưu T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-4-2019, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Lưu T1 tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện R vào ngày 12/7/2017. Trong quá trình chung sống, anh T1 không quan tâm chăm sóc vợ con; bản thân anh T1 sống không có lập trường, không dành thời gian chăm lo gia đình; vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, sống

không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 mãi đến nay, phần ai nấy lo. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh T1.

- Về con chung: Chị và anh Lưu T1 có một con chung tên Lưu Hữu T2, sinh ngày 18/6/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Hữu T2. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-5-2019, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn anh Lưu T1 trình bày:

Anh công nhận giữa anh và chị T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện R vào ngày 12/7/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống bất đồng quan điểm, sống không hợp tính nhau, vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã nhau; vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 mãi đến nay phần ai nấy lo là không đúng, vợ chồng sống bình thường. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng làm ăn nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị Thu T có một con chung tên Lưu Hữu T2, sinh ngày 18/6/2018. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Hữu T2. Anh không cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 08/5/2019 thụ lý vụ án, đến ngày 30/7/2019 đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trịnh Thị Thu T đối với anh Lưu T1.

Giao cháu Lưu Hữu T2, sinh ngày 18/6/2018 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 chưa cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lưu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Chị Trịnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trịnh Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lưu T1. Chị T, anh T1 hiện đang sinh sống tại huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trịnh Thị Thu T và anh Lưu T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12/7/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bất đồng quan điểm, sống không hợp tính nhau, có cãi vã nhau. Bản thân anh T1 thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con. Qua xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã P, huyện R cung cấp thông tin quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 khẳng định vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 4/2018 mãi đến nay, chị T mang con về nhà cha mẹ đẻ tại xã E, huyện R để ở; anh T1 sống tại nhà cha mẹ đẻ tại xã P, huyện R; vợ chồng sống ly thân nhau, phần ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn; chị T cũng khẳng định hiện tại không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng anh T1. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh T1 là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con: Chị Trịnh Thị Thu T và anh Lưu T1 có một con chung tên Lưu Hữu T2, sinh ngày 18/6/2018. Xét thấy cháu T2 hiện dưới 36 tháng tuổi, trong độ tuổi này để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu rất cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Chị T hiện đang làm nghề kế toán, có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện kinh tế để phục vụ việc nuôi dưỡng con. Mặt khác, bản thân anh T1 cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nếu Tòa giải quyết cho ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lưu Hữu T2, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Thu T, giao cháu Lưu Hữu T2 cho chị T tiếp tục trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Lưu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu Lưu Hữu T2 nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Thu T và anh Lưu T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Trịnh Thị Thu T và anh Lưu T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết các vấn đề về hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa chị Trịnh Thị Thu T và anh Lưu T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu T được ly hôn anh Lưu T1.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trịnh Thị Thu T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là cháu Lưu Hữu T2, sinh ngày 18/6/2018. Anh Lưu T1 chưa cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lưu T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004414, ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi.
- VKSND huyện R.
- Chi cục THADS huyện R.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thi Thơ